

Trung tâm Nghiên cứu & Phát triển Hệ thống Nông nghiệp
Centre for Agrarian Systems Research & Development

Tổ chức nông dân sản xuất rau chất lượng cao

Trường hợp xã Song phương và Hà hội Hà tây

Nhóm thực hiện: Lê Thị Nhâm

Nguyễn Quý Bình

Chu Thị Thủy

Đào Thế Anh; Bùi Thị Thái



Thông tin gửi tới hội thảo

- Đây là những vấn đề để RAT còn là “Chuyện không tưởng” trên thị trường
- Để phát triển RAT cần đầu tư phát triển một ngành hàng không nên cắt đoạn như hiện nay
- Để giúp những người sản xuất nhỏ sản xuất RAT giải pháp là xây dựng một kênh hàng dựa trên lòng tin
- Hệ thống giám sát nội bộ là chìa khóa quan trọng
- Nhà nước sẽ hỗ trợ gì



Những qui định về RAT của Việt nam

Những qui định:

- Bộ NN & PTNT ban hành quyết định số **67/1998** "**Qui định tạm thời về sản xuất RAT**"
- Quyết định số **43/2006** của **Thủ tướng Chính phủ** về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia **bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đến năm 2010**
- Quyết định số 11/2006 của Bộ Y Tế về việc Ban hành quy chế cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện VSATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguy cơ cao;
- Quyết định 03/2007 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và PTNT, về việc ban hành "Quy định về công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, hàng hoá đặc thù chuyên ngành nông nghiệp"
- Quyết định số **04/2007** của **Bộ NN** về việc **Quy định về quản lý sản xuất và chứng nhận rau an toàn.**
- Quyết định 52/2007 của Bộ trưởng Bộ NN về việc "Phê duyệt quy hoạch phát triển rau quả và hoa cây cảnh đến năm 2010, tầm nhìn 2020"



Yêu cầu chất lượng đối với RAT



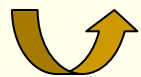
Chỉ tiêu về hình thái

Không dập nát, hư thối, không lẫn tạp chất, sâu bệnh
Được bao gói thích hợp



Chỉ tiêu về nội chất

- **Hàm lượng một số kim loại nặng** chủ yếu: Cu, Pb, Hg, Cd, As...
- **Mức độ nhiễm vi sinh vật gây bệnh** (E.coli, Samonella.. kí sinh trùng)
- **Hàm lượng nitrat** (NO_3)
- **Dư lượng thuốc Bảo vệ thực vật**



Các chỉ tiêu trên phải ở dưới mức cho phép theo tiêu chuẩn của FAO/WHO và Việt Nam)



Bối cảnh chung

- Nhu cầu tiêu dùng rau tăng: Hà nội mới đáp ứng khoảng 20%-40% và thành phố HCM 20%-30% RAT
- Chương trình RAT của Việt nam được triển khai từ những năm 98
- Chính sách hỗ trợ: Tập trung đầu tư CSHT, tập huấn kỹ thuật
- Nhưng RAT còn là vấn đề:
 - Theo thống kê FAO, từ 1999 – 2002 - 250 người chết vì ngộ độc rau quả
 - 10% rau an toàn nhưng còn tồn dư thuốc bảo vệ thực vật
 - 4% vượt mức cho phép gây ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng (2006)
 - 60% rau nhiễm chì (Khảo sát 25 mẫu rau tp HCM – Báo KH&ĐS)
- Theo sự đề nghị của Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Hà tây



Hiện trạng sản xuất RAT ở Song phương và Hà hồi Kết quả phân tích rau trước khi tác động

Xã	Loại rau	E. Coli (TB/g)	NO ₃ ⁻ (mg/kg)	Pb (mg/kg)	As (mg/kg)	Hg (mg/kg)
Song Phương	Cà chua	5	<u>176</u>	-	0,002	-
	Côve leo	5	<u>256</u>	-	0,032	-
	Cải bắp	5	<u>648</u>	0,003	<u>0,283</u>	<u>0,039</u>
Hà Hồi	Cải ngọt	25	<u>4180</u>	0,002	<u>0,217</u>	<u>0,025</u>
	Cải canh	15	1212	0,005	0,107	<u>0,006</u>
	Cải Chíp	30	<u>2268</u>	0,001	0,196	<u>0,011</u>
Tiêu chuẩn (MRL)		100		0,5 - 1	0,200	0,005

Ghi chú: (-) : không phát hiện

Tiêu chuẩn với NO₃

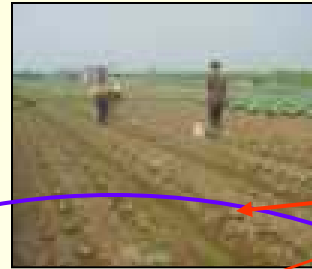
Cà chua: 150 mg /kg, Cô ve leo: 150 mg/kg,

Cải bắp : 500 mg/kg Cải canh:1500 mg/kg, Cải chíp: 1500 mg/kg

Câu hỏi và giả thuyết để phát triển RAT

Các chương trình RAT:

- Tập huấn kỹ thuật chung
- Hỗ trợ kinh phí đập khuôn
- Thiếu công cụ để đánh giá



Tư vấn
tổ chức SX
tiêu thụ
thể chế

Mô hình gắn trách nhiệm
sản xuất đến tiêu thụ RAT
Huy động sự tham gia của
các nguồn lực, cộng đồng

Môi
trường
thể chế

Thực tế SX và tiêu thụ:

- Quy mô sản xuất nhỏ
- Thiếu tổ chức liên kết ND
- Thiếu liên kết các tác nhân
- Thiếu hệ thống giám sát



Thị trường:

- Thiếu công cụ để các tác nhân trao đổi
- Thiếu tin tưởng, KT
- Thiếu qui định KSoat

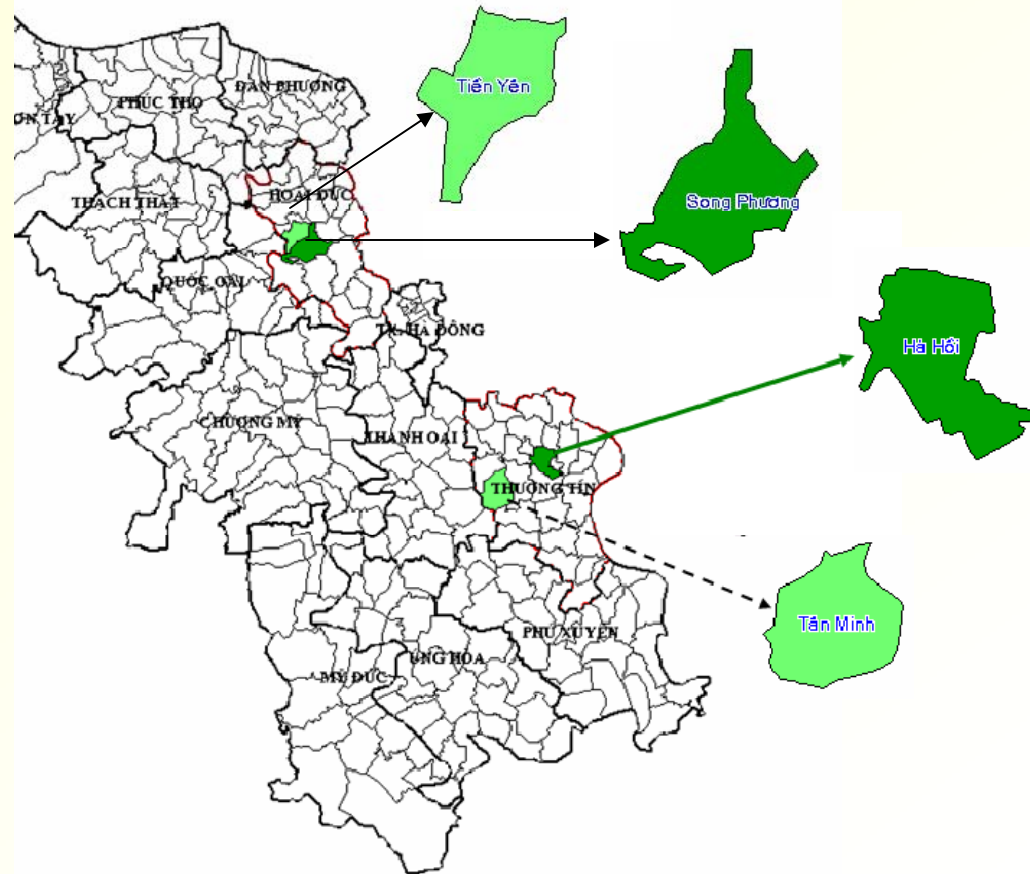


Phương pháp nghiên cứu

- Thử nghiệm các hình thức tổ chức nông dân để thực hiện các hoạt động tập thể và quản lý chất lượng nội bộ
- Tiếp cận ngành hàng
- Phương pháp có sự tham gia trong xây dựng QTKT, Giám sát,...
- Tư vấn: nhóm cán bộ tư vấn của CASRAD và huyện
- Theo dõi và phân tích
- Hội nghị chuyên gia và hội nghị các tác nhân

Đề tài của Sở khoa học Công nghệ Dự án Malica

- Hỗ trợ xây dựng TCND sản xuất RAT tại hai xã của Hà tây
- Hỗ trợ xây dựng kênh hàng mới - rau chất lượng cung ứng cho các nhà hàng/siêu thị, bếp ăn tập thể





Các kết quả chính về tư vấn tổ chức nông dân và liên kết tác nhân

Giai đoạn 1

Xây dựng nhóm nông dân sản xuất RAT

- HTX Phương Viên
Song Phương – Hoài Đức
- Thành viên: 14
- Diện tích: 3600 m²
- HTX Hà Hồi
Thường Tín
- Thành viên: 12
- Diện tích: 3600 m²



Tham gia xây dựng QTKT



Trao đổi trên đồng ruộng



Khu SX RAT của nhóm



Các hoạt động tập thể của nhóm

- Tham gia xây dựng và thực hiện QTKT sản xuất RAT cho một số loại rau của nông dân trong nhóm
- Xây dựng giếng nước tưới
- Tổ chức mua chung:
 - Phân vi sinh Biogro
 - Thuốc bảo vệ thực vật
- Xây dựng mối liên kết với các tác nhân thu gom địa phương
- Tìm kiếm thị trường ở Hà Đông và Hà Nội.



Những vấn đề trong tổ chức sản xuất

- Vùng sản xuất RAT nhưng chưa đủ điều kiện:
 - Không có hệ thống nước tưới đảm bảo vệ sinh
 - Khu sản xuất RAT của nhóm nằm trong vùng sản xuất chung
→ Vệ sinh đồng ruộng không đảm bảo
- Chưa xây dựng được mối quan hệ với các tác nhân:
 - Chất lượng rau chưa đạt tiêu chuẩn
 - Số lượng và chủng loại còn ít
 - Không tạo ra được một vùng sản xuất RAT → hạn chế liên kết dọc
- Sự hỗ trợ của chính quyền và HTX vẫn còn là chủ trương



Giai đoạn 2: Củng cố, tiến tới thành lập HTX Liên kết với các tác nhân đầu ra

- Tăng qui mô sản xuất cả về diện tích, số hộ tham gia và nhân rộng → Tạo thành vùng sản xuất rau
- Tập trung các hoạt động tập thể nâng cao chất lượng
 - Xây dựng và hoàn thiện QTKT chung và một số loại rau
 - Xây dựng, áp dụng hoàn thiện **hệ thống giám sát nội bộ**
 - Liên kết với các công ty cung ứng đầu vào:
 - Phân vi sinh Biogro (Công ty Phân bón hữu cơ)
 - Thuốc bảo vệ thực vật (Sygenta)
 - Xây dựng hệ thống tưới nước (tháp mini) và sơ chế rau
- Xây dựng mối quan hệ với các tác nhân tiêu thụ
- Chuẩn bị hồ sơ thành lập HTX (tư cách pháp nhân trong giao dịch)



Kết quả

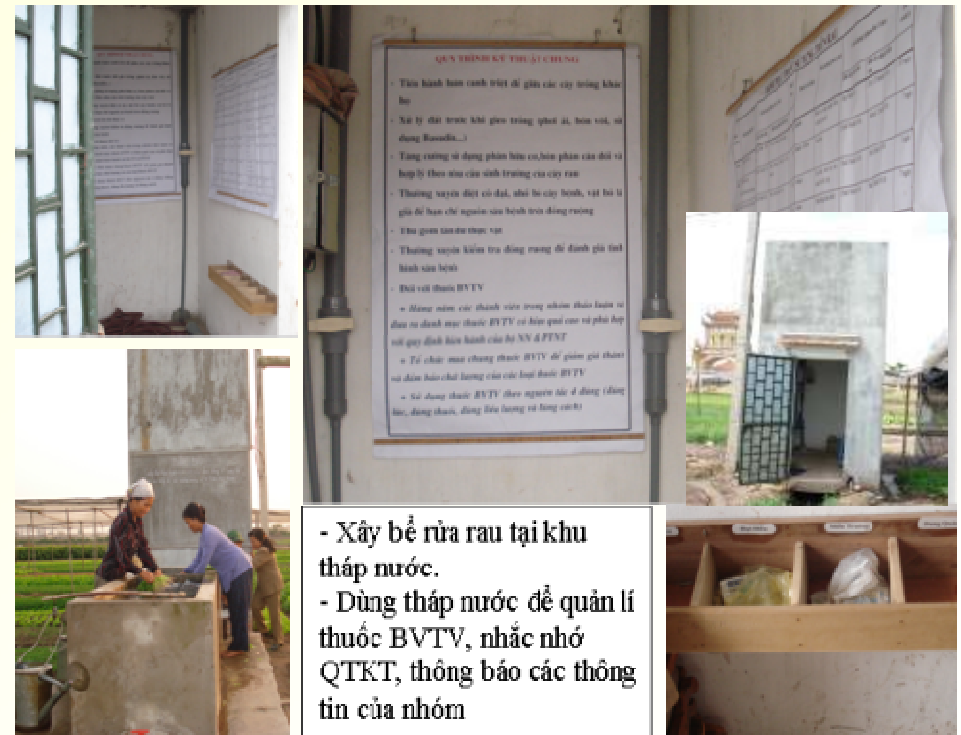
Tăng qui mô và nhân rộng mô hình

Chỉ tiêu	Phương Viên	Phương Bảng	Tiền Lệ	Hà Hồi	Tân Minh
	Huyện Hoài Đức			Huyện Thường Tín	
	Điểm đề tài	Điểm nhân rộng		Điểm đề tài	Điểm nhân rộng
Tổng diện tích canh tác (ha)	162	130	102	235	426
Vùng quy hoạch SX RAT (ha)	58	30	31	1,0	11
Diện tích làm mô hình (ha)	2,0	1,0	2,5	1,0	2,0
Thành viên	60	43	19	11	27

Một số kết quả từ hoạt động chung

Các hoạt động tập thể:

- Mua phân vi sinh:
 - ❑ 100% hộ mua;
 - ❑ Giá rẻ hơn 1000đ/kg
- Mua thuốc BVTV:
 - ❑ 100 % số hộ;
 - ❑ Giá rẻ hơn 500-1000đ/gói/ch
- Xây dựng sử dụng bể nước
 - ❑ Khả năng tưới của 1 bể (m²): 3600 -7200



Thực hiện Quy trình giám sát chất lượng nội bộ

Giám sát đồng ruộng



1 Ghi sổ theo dõi đồng ruộng

2 Kiểm tra đồng định kỳ

3 Kiểm tra đột xuất



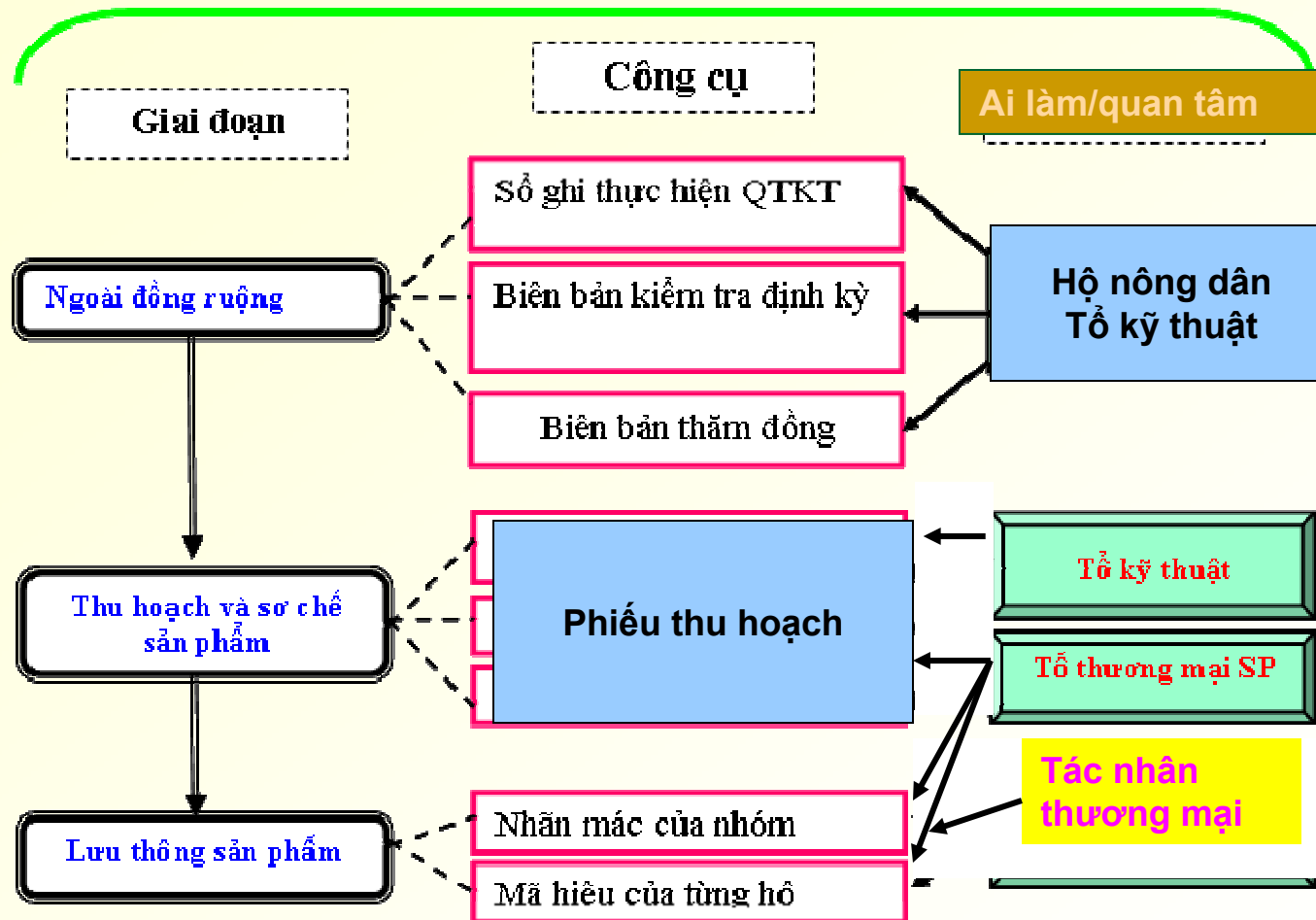
Giám sát thu hoạch



4 Phát phiếu thu hoạch

5 Phát phiếu giao nhận sản phẩm

Thực hiện qui trình giám sát CL của các tác nhân



Qui trình giám sát này nhằm mục đích:

- Đảm bảo sản phẩm của nhóm có chất lượng đồng đều theo qui trình thực hành kỹ thuật chung.
- Xác định được xuất xứ của sản phẩm đến từng hộ. Gắn trách nhiệm đến cùng với người tiêu dùng.

Kết quả giám sát thực hiện QTKT của các thành viên trong nhóm

- 90- 100% số hộ sử dụng phân hữu cơ ủ, phân vi sinh
- 80- 100% số hộ bón phân vô cơ đúng qui trình
- Không dùng thuốc kích thích.
- Áp dụng biện pháp IPM
- Gần 100% hộ sử dụng đúng qui định về BVTV
- ND biết tên thuốc sử dụng





Rau chất lượng cao

Kết quả phân tích mẫu rau của nhóm

Tên mẫu	Vùng lấy mẫu	E. Coli (TB/g)	Salmonella (TB/g)	NO3 (mg/kg)	Pb (mg/kg)	As (mg/kg)	Hg (mg/kg)	Thuốc BVTV
Cải chít	Tiền Lệ	5	0	1921	0.41	0.154	0.003	16.52
Cải cúc	Tiền Lệ	20	0	1200	0.35	0.137	-	1.25
Hành	Tiền Lệ	15	0	401	0.29	0.102	0.001	6.54
Rau dền	Tiền Lệ	5	0	386	0.48	0.164	0.004	8.54
Kinh giới	Tân Minh	10	0	600	0.31	0.118	0.002	2.35
Tía tô	Tân Minh	10	0	589	0.36	0.135	0.002	2.52
Húng	Tân Minh	5	0	532	0.25	0.096	-	2.65
Cải mөр	Hà Hồi	25	0	1340	0.22	0.112	0.002	12.52
Xà lách	Hà Hồi	10	0	710	0.19	0.098	-	6.32
Cải chíp	Hà Hồi	35	0	1200	0.25	0.105	-	18.52
MRL		<=100	0		<=0.5-1	<=0.200	<=0.005	<=25%
Ghi chú: - Không phát hiện								
MRL NO3	Cải chít <=1500 mg/kg				Cải mөр <= 1500			
	Rau gia vị (kinh giới, tía tô. Húng): <=600mg/kg				Xà lách <= 1500			
	Hành <= 400 mg/kg							



Tiêu thụ

- Xây dựng được kênh hành sản phẩm **chất lượng cao** tại địa phương thông qua:
 - Mở 2 cửa hàng rau CLC tại hai huyện
 - 10 bếp ăn tập thể
- Bước đầu xây dựng kế hoạch cung ứng từng chủng loại theo số lượng theo thời gian/ngày cho cửa hàng/công ty
- Giá bán SP cao hơn giá rau thường 30 – 60 %
- Bước đầu giới thiệu sản phẩm cho công ty phân phối (Đông Nam Việt) để cung ứng cho mạng lưới nhà hàng



Hiệu quả sản xuất và tiêu thụ RAT các thành viên trong nhóm

Chỉ tiêu	Rau không an toàn			RAT			So sánh (%)
	Số lượng (kg/sào)	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng (kg/sào)	Đơn giá	Thành tiền	RAT/RKAT
Tổng chi phí			342000			807000	236.0
Năng suất	700			700			100.0
Giá bán (đ/kg)		1,600			2,300		143.8
Tổng thu			1120000			1610000	143.8
Lãi			778000			803,000	103.2
Lãi + Hỗ trợ CPGS						1013000	130.2



Chi phí sản xuất rau cải xanh an toàn

Chỉ tiêu	Rau không an toàn			RAT			So sánh (%)
	Số lượng (kg/sào)	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng (kg/sào)	Đơn giá	Thành tiền	RAT/RKAT
Giống	0.3	70,000	21000	0.25	70,000	17500	83.3
Phân bón							
Tro bếp	100	750	75000	70	750	52500	70.0
NPK	50	400	20000	30	400	12000	60.0
Đạm	5	5,500	27500	2	5,500	11000	40.0
Phân vi sinh				40	1,400	56000	
Thuốc BVTV			28,500			18,000	63.2
Công lao động						60000	
CP tưới nước						10000	
Khấu hao TSCĐ			60000			120,000	200.0
Sơ chế, VC			110000			50000	45.5
Bao bì, nhãn mác						140000	
Quản lý						210000	
Hao hụt, khác						50000	
Tổng chi phí			342000			807000	236.0
Năng suất	700			700			
Giá bán (đ/kg)		1,600			2,300		143.8
Tổng thu			1120000			1610000	143.8
Lãi			778000			803,000	103.2
Lãi + Hỗ trợ CPGS						1,013,000	130.2




Hiệu quả của tác nhân thương mại

Loại rau	Kg bán/ ngày	Tổng thu đ/ngày		Chi phí (đ/kg)			Chênh lệch Mua bán (đ/kg)	Lãi đ/ngày
		Bán ra kg/ đồng	Thu	Giá nhập	Chi khác	Tổng chi/ng		
Cải bắp	10	4000	40000	2000	450	24500	2000	15500
Cà chua	10	8000	80000	5500	450	59500	2500	20500
Dưa chuột	10	4000	40000	2500	450	29500	1500	10500
Đậu	10	8000	80000	4000	450	44500	4000	35500
Cải chít	20	2000	40000	800	450	25000	1200	15000
Cải mөр	10	1000	10000	250	450	7000	750	3000
Cải cúc	10	1000	10000	250	450	7000	750	3000
7 loại	80	28000	300000		3150	197000	12700	103000



Một số kết quả chính của TCND

- Tổ chức được việc giám sát thực hiện QTKT sản xuất
- Các thành viên thực hiện tốt qui trình kỹ thuật
- Sản phẩm có nhãn mác
- Xây dựng được các công cụ để trao đổi giá với tác nhân đầu ra
- Kết quả phân tích 10 mẫu rau của nhóm đạt và dưới ngưỡng
- Bước đầu xây dựng kế hoạch sản xuất và cung ứng cho bạn hàng
- → Buộc nông dân chuyên nghiệp hơn:
 - tăng khả năng lập kế hoạch của tổ chức 
 - tôn trọng QTKT
 - hệ thống giám sát nội bộ phát huy hiệu quả



Kết quả về thể chế

Thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện

- Gắn với chính sách phát triển địa phương
- Huyện thành lập Ban chỉ đạo gồm 5 thành viên:
 - Huyện:
 - Phó chủ tịch UBND;
 - Trưởng phòng nông nghiệp; Lãnh đạo khuyến nông và BVTV
 - Nhóm tư vấn của CASRAD
- Các hoạt động hỗ trợ:
 - Chỉ đạo thực hiện chủ trương hỗ trợ CSHT cho vùng RAT
 - Chính sách huyện hỗ trợ đầu tư sản xuất RAT cho tổ chức ND
 - Hỗ trợ nguồn lực cho cấp xã
 - Tạo cơ sở giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm của tổ chức



Kết luận

- Mô hình liên kết nông dân nhỏ sản xuất và tiêu thụ RAT cho những kết quả đáng quan tâm:
- Các nhóm ND sản xuất rau đạt tiêu chuẩn chất lượng cao hơn qui định
- QTKT xây dựng có ND tham gia áp dụng hiệu quả cao hơn
- Giám sát nội bộ phát huy hiệu quả khi liên kết được với tác nhân đầu ra
- Nhãn mác sản phẩm đến từng người sản xuất tăng tính trách nhiệm
- Các tác nhân tham gia kênh hàng rau chất lượng đều hưởng lợi
- Kênh hàng sản phẩm dựa vào sự tin tưởng giảm được chi phí (phân tích mẫu) nhưng cần có sự hỗ trợ ban đầu → Tư vấn, hỗ trợ
- Sự tham gia của các tác nhân và chính quyền là yếu tố quan trọng



Những đề xuất

- Khuyến khích người SX tự công bố CL – Đa dạng gam CL
- Các chương trình nhà nước nên xác định điểm ưu tiên hỗ trợ:
 - CSHT: nước tưới, giao thông
 - Phân tích đất và nước
 - Chi phí vận hành hệ thống giám sát
 - Tư vấn, hỗ trợ xây dựng mối quan hệ, đặc biệt ban đầu khi:
 - qui mô sản xuất còn nhỏ
 - liên kết với tác nhân đầu ra mới được hình thành
- QTKT sản xuất RAT cần được điều chỉnh có sự tham gia của ND
- Chính quyền thực sự quan tâm chỉ đạo
- Cấp chứng nhận vùng RAT khi đã qui hoạch
- Cấp chứng chỉ cho những ND có kiến thức tốt sau tập huấn

Quản lý xuất xứ sản phẩm đến từng hộ gia đình



- Bán chung sản phẩm



Đỗ Văn Quang



Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:	Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:
Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:	Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:
Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:	Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:
Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:	Nhóm RAT Hà Hồi Hộ SX: Đỗ Văn Quang Ngày bán:

- Sử dụng mã hiệu trên sản phẩm cho từng hộ